

KẾT LUẬN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVI
về tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU, ngày 30/5/2017
của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW,
ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số
chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng,
nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của
nền kinh tế - phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát
triển trung bình của cả nước vào năm 2020

Ngày 16-17/7/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp lần thứ 24, sau khi nghe dự thảo Báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 30/5/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế - phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020 (*sau đây viết tắt là Kế hoạch số 92-KH/TU*); phát biểu của các đại biểu dự Hội nghị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

I- Đánh giá kết quả thực hiện

Sau 3 năm triển khai, thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU, tỉnh Hòa Bình đã đạt được những kết quả tích cực: Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, bước đầu tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của việc đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; nhiều cơ chế chính sách được ban hành có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết quả tăng trưởng kinh tế đạt khá, thu ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước, kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư, nhiều công trình đã hoàn thành đi vào sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống, sinh hoạt của nhân dân, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng; cơ cấu kinh tế mặc dù đã chuyển dịch theo đúng hướng nhưng còn chậm; hệ thống hạ tầng giao thông còn thiếu đồng bộ, kết nối kém, hạ tầng thông tin còn thiếu thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành còn thấp; diện lực cung cấp có nơi còn thiếu ổn định; tốc độ phát triển doanh nghiệp còn chậm, quy mô doanh nghiệp nhỏ, nguồn nhân lực còn thiếu lao động có tay nghề cao, quản lý giỏi; huy động vốn đầu tư trên địa bàn còn nhiều bất cập; sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; môi trường đầu tư, chỉ số năng lực cạnh tranh không ổn định và ở vị trí không cao; cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thiếu bền vững; việc tổ chức thực hiện các chủ trương, văn bản chỉ đạo ở cơ sở chưa kịp thời, một số nơi còn chậm trong việc triển khai thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu do, hệ thống pháp luật quy định về trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư còn chưa đồng bộ (*giữa Luật đầu tư và Luật đất đai, Luật môi trường, Luật nhà ở...*); quy mô kinh tế nhỏ, tiềm lực nội tỉnh thấp; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; lợi thế cạnh tranh thấp hơn so với các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; còn hạn chế trong việc thể chế hóa chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước; một số sở, ngành, địa phương chưa chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện; công tác cải cách hành chính của một số sở, ngành, địa phương còn chưa được quan tâm đúng mức, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên; trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc được giao; trình độ quản lý, quản trị của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp; việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh còn chậm, nhiều doanh nghiệp sản xuất lạc hậu, chi phí sản xuất lớn, giá thành cao, công tác quản lý đất đai, xử lý môi trường một số địa phương chưa tốt.

II- Một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong những năm tiếp theo, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Kịp thời thể chế hóa các chính sách của Trung ương phù hợp với tình thực tế của tỉnh; rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng một số cơ chế, chính sách để thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch; tập trung triển khai lập Quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường liên kết các tỉnh, địa phương có thỏa thuận hợp tác, đặc biệt là các tỉnh trong Vùng Thủ đô và Vùng Tây bắc.

2. Tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các chuỗi giá trị, phát

triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản. Thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng tổ chức lại sản xuất; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao. Đầu tư, hỗ trợ để củng cố, phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; thực hiện các chính sách hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm để bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống.

3. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn, nghiên cứu Đề án hoặc chính sách khuyến khích đầu tư huy động vốn để xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chuẩn bị đất sạch phục vụ thu hút đầu tư. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành thâm dụng lao động, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức, công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp phục vụ nông thôn. Tăng cường công tác tiếp xúc, nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là khó khăn về vốn, mặt bằng và đổi mới mới công nghệ, đầu tư chiều sâu để tăng năng lực sản xuất của ngành công nghiệp.

4. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các ngành dịch vụ ưu tiên phát triển (*vận tải, du lịch, giáo dục, y tế, viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng thương mại*). Thực hiện đa dạng các hình thức huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vốn vay của các thành phần kinh tế. Tăng cường công tác quản lý thị trường, triển khai có hiệu quả các giải pháp bình ổn thị trường nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống người dân đặc biệt đối với đồng bào ở vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện và hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển hệ thống phân phối, thúc đẩy hình thành những doanh nghiệp phân phối lớn giữ được vai trò dẫn dắt thị trường, vươn lên trong cạnh tranh; tận dụng tối đa các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (*AHKFTA, EVFTA,...*) mở rộng thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác tốt thị trường nội địa.

5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả vốn đầu tư phát triển, thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài nhằm huy động cao nhất nguồn lực cho đầu tư phát triển. Bố trí, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm vốn đầu tư theo đúng quy định; tập trung nguồn vốn cho các công trình hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch, khắc phục tình trạng phân bổ vốn dàn trải, hạn chế tối đa phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản. Đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu ban hành cơ chế quản lý đầu tư, theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý đầu tư. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn.

6. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Nghiên cứu, bổ sung chính sách khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đặc biệt chú ý khai thác nguồn vốn từ mặt bằng, quyền sử dụng đất để có thêm nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Tập trung kêu gọi và đẩy nhanh các thủ tục đối với các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư, ưu tiên thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, khai thác vùng hồ sông Đà và các ngành, lĩnh vực có điều tiết ngân sách cao cho tỉnh. Đẩy mạnh việc xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục, y tế và văn hóa. Khuyến khích nhân dân tham gia hoạt động phát triển hạ tầng theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

7. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo hướng lấy doanh nghiệp và nhân dân làm đối tượng ưu tiên phục vụ, tạo những điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh; đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính; phấn đấu cải thiện vị trí xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính và chỉ số chất lượng quản trị và dịch vụ hành chính công (PAPI) nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển. Nâng cao chất lượng các cuộc tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời giải quyết, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, đặc biệt người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế. Tập trung rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường; khuyến khích xã hội hóa trong đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề; nghiên cứu thực hiện cơ chế thuê, hợp tác, tư vấn đối với các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao phục vụ cho phát triển của tỉnh.

9. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án; hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến; thúc đẩy, hỗ trợ, phát triển loại hình doanh nghiệp cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ. Chủ động liên kết với các viện nghiên cứu để nhanh chóng ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu phát triển các khu trồng trọt, chăn nuôi công nghệ cao.

10. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Tăng cường huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư

phát triển vùng động lực, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu, điểm du lịch quốc gia; từng bước đầu tư kiên cố hóa các đập thủy lợi, hệ thống kênh mương chính đảm bảo nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; cải tạo lưới điện đảm bảo cung cấp ổn định điện sản xuất và sinh hoạt, phát triển hạ tầng, không gian nông thôn. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

III- Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp căn cứ nội dung Kết luận này triển khai phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo triển khai thực hiện Kết luận này.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận này, định kỳ hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Các Ban XD Đảng TW,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan tỉnh,
- Lãnh đạo VPTU+CV,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (Tr.H).

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Trần Đăng Ninh